

Bản án số: **38** /2017/HCPT

Ngày: 19-03- 2018

V/v: Khiếu kiện quyết định hành  
chính, hành vi hành chính trong  
lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Võ Ngọc Thông

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp  
cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông Đặng Thọ  
Định, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng  
xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 44/2017/TLPT-HC ngày 31  
tháng 10 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2017/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm  
2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44B/2018/QĐ-PT ngày  
26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: xã T, TP. T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông  
Nguyễn Phúc T là luật sư của Công ty Luật TNHH MTV M, luật sư T có mặt.

**2. Người bị kiện:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện theo pháp luật của UBND TP. T, tỉnh Quảng Nam: Ông Văn Anh T là Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện theo ủy quyền của UBND TP. T, tỉnh Quảng Nam: Ông Bùi Ngọc A là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam (Giấy ủy quyền số 160/GUQ-UBND ngày 16/11/2017); có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*

- Ông Nguyễn Ngọc T là Giám đốc Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Ông Nguyễn Quang T là Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Ông Dương Văn C là Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Ông Nguyễn Thanh B, chức vụ Chủ tịch UBND xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Hồng D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: xã TT, huyện N, Quảng Nam; có mặt.

- Ông Trần Minh Đ, sinh năm 1961.

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; Ông Đ vắng mặt (Bà N là vợ của ông Đ xin phép vắng mặt vì ông Đ đi biển xa). Bà N có mặt.

### **4. Người kháng cáo:** Người khởi kiện, bà Huỳnh Thị T.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày:*

Năm 1993, vợ chồng bà Huỳnh Thị T có mua một lô đất khoảng 240 m<sup>2</sup> của hộ ông Trần Minh Đ và bà Lê Thị N tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam và làm nhà ở vào năm 2001, thời điểm khu dân cư N chưa xác lập. Khi mua, có giấy chuyển nhượng viết tay giữa vợ chồng bà T và vợ chồng bà N, được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất thông qua nộp thuế nhà đất hằng năm và có

hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Năm 2011, Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam (sau đây gọi tắt là UBND T) ban hành Quyết định 2816/QĐ-UBND ngày 13/5/2011 về việc bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung đối với hộ bà Trần Thị B để giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư N, tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, bồi thường hỗ trợ cho hộ bà B 55.036.264 đồng. UBND T cho rằng đất của gia đình bà T mua là đất bất hợp pháp, không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không được bồi thường về đất ở. Trước lúc nhận tiền hỗ trợ 55.036.264 đồng, ông Trần Đình Đ - Trưởng ban dự án thành phố T có hứa với bà B là cứ nhận tiền hỗ trợ trước, còn đất thì sẽ bồi thường đầy đủ sau. Đến năm 2013, bà B có đơn yêu cầu cấp trên giải quyết, nhưng UBND T không trả lời, sau đó bà B mất, vẫn không bồi thường, không cấp đất. Năm 2016, khi được bà N thông báo, gia đình bà T mới biết đất của gia đình bà đã được bồi thường vào đất của bà N nên không bồi thường đất cho gia đình bà.

Năm 2017, UBND T đã ban hành Quyết định số 3172/QĐXPVPHC ngày 07/3/2017 về xử phạt vi phạm hành chính với hành vi lấn chiếm đất ở và Quyết định 5685/QĐ-CC ngày 07/4/2017 cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Huỳnh Thị T. Hai quyết định này đã làm thiệt hại đến tài sản, nhà cửa và danh dự của gia đình bà T.

Nay, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Huỳnh Thị T; hủy Quyết định 5685/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; hủy Quyết định 2816/QĐ-UBND ngày 13/5/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam về việc bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh bổ sung đối với bà Trần Thị B để GPMB xây dựng khu dân cư N, tại xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; buộc UBND thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà Huỳnh Thị T theo đúng quy định pháp luật.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

Về yêu cầu hủy Quyết định 2816/QĐ-UBND ngày 13/5/2011 của UBND T và buộc UBND thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà T: Theo hồ sơ gia đình bà Trần Thị B cung cấp khi thực hiện kiểm kê, bồi thường để giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư N thì lô đất là bà B mua trao tay với bà Lê Thị N chứ không phải bà T mua. Theo Giấy ủy quyền của bà B, bà T đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ của bà B và cam kết giao mặt bằng. Việc thu hồi và bàn giao đất hộ bà B (bà T) đã thực hiện xong năm 2011. Sau đó, hộ bà B không có bất kì khiếu nại gì về nội dung liên quan đến việc giải phóng mặt bằng, bồi thường hỗ trợ nên thời hiệu khởi kiện đã hết theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Đề nghị tòa án đình chỉ yêu cầu này của bà T theo quy định tại Điều 143 Luật Tố tụng hành chính.

Về yêu cầu hủy Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017 và Quyết định số 5685/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Chủ tịch UBND T: Bà Huỳnh Thị T có hộ khẩu thường trú tại xã T, thành phố T có hành vi dựng lán trại tại khu dân cư N thuộc xã T, thành phố T (đất đã thu hồi, bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư N) đã giao cho Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng thành phố T quản lý. UBND xã T đã phát hiện và lập biên bản hành vi vi phạm hành chính của bà T và đề nghị UBND T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chiếm đất ở của bà T. Hành vi chiếm đất của bà T vi phạm khoản 3, Điều 10, Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 nên Chủ tịch UBND T đã ban hành Quyết định số 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017 xử phạt hành vi vi phạm hành chính đối với bà T là đúng quy định của pháp luật. Sau khi ban hành Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017, thành phố giao cho UBND xã T và các hội đoàn thể của xã tiến hành vận động, thuyết phục bà T chấp hành quyết định trên nhưng bà T không chấp hành. Ngày 07/4/2017 Chủ tịch UBND T đã ban hành Quyết định 5658/QĐ-CC cưỡng chế thi hành Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà T. Việc cưỡng chế thi hành đối với bà T là đúng qui định của pháp luật.

*Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hồng D trình bày:*

Thông nhất với trình bày của người khởi kiện. Năm 1993, vợ chồng ông D và bà T mua đất của bà Lê Thị N ông Trần Minh Đ để làm nhà cho bà B ở. Đất của hộ bà T là đất chuyển nhượng hợp pháp nhưng không được bồi thường và tái định cư theo đúng quy định của pháp luật đối với diện tích 240 m<sup>2</sup>. Yêu cầu UBND T làm rõ và bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình bà T theo đúng qui định của pháp luật.

*Tại biên bản ngày 29/8/2017 bà Lê Thị N và ông Trần Minh Đ có chung trình bày, tại biên bản ngày 06/9/2017 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày:*

Vợ chồng bà N, ông Đ có bán cho vợ chồng bà T, ông D 240m<sup>2</sup> đất vườn, không nhớ rõ năm nào. Ngoài gia đình bà T, bà N còn bán cho các hộ khác cùng ở địa phương là ông Nguyễn Văn M 200 m<sup>2</sup>, ông Nguyễn Hữu N 1.015 m<sup>2</sup>, bà C 200 m<sup>2</sup>, ông C 320 m<sup>2</sup>. Việc mua bán đất cho các hộ đều có giấy chuyển nhượng viết tay do bà N và ông Đ ký. Khi Nhà nước đền bù, giải tỏa, kê khai đất đai để thu hồi đất, hộ bà N có khai việc đã chuyển nhượng đất cho các hộ gia đình và yêu cầu tách riêng để bồi thường nhưng không được cơ quan chức năng chấp nhận, vì cho rằng việc chuyển nhượng của vợ chồng bà là bất hợp pháp, không tuân theo quy định của pháp luật. Năm 2009, hộ bà N được nhà nước thu hồi 4.575,7m<sup>2</sup> đất gồm 200m<sup>2</sup> đất ở, 1.995m<sup>2</sup> đất vườn và 2.380,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, với số tiền bồi thường hỗ trợ là 729.033.676 đồng, trong đó bồi thường về đất là 361.645.600 đồng (BL 121). Sau khi nhận tiền bồi thường, bà N đã yêu cầu trả lại tiền được đền bù về đất tương đương với diện tích đất bà đã chuyển nhượng cho các hộ theo giá đất vườn (trong đó có hộ bà T), các hộ khác đã nhận tiền nhưng bà T và ông C không chịu nhận tiền. Hiện nay bà N vẫn còn giữ lại số

tiền bồi thường và sẽ trả lại khi bà T có yêu cầu, số tiền khoảng 22.800.000 đồng. Hộ bà N yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của người dân.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm 79/2017/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:*

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143 và điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu hủy Quyết định 2816/QĐ-UBND ngày 13/5/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam và yêu cầu buộc UBND thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư của người khởi kiện bà Huỳnh Thị T.

2. Không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017 và hủy Quyết định 5685/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam của bà Huỳnh Thị T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, người khởi kiện bà Huỳnh Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 79/2017/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

Tại phiên tòa, người khởi kiện bà Huỳnh Thị T không rút đơn khởi kiện; không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau. Yêu cầu hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

**Tòa xét:**

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017; Quyết định 5685/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Quyết định 2816/QĐ-UBND ngày 13/5/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam là các quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai. Án sơ thẩm căn cứ khoản 1, 2 Điều 3; khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 xác

định là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền của Tòa án là có căn cứ.

[2] Về quyền khởi kiện:

Xét Quyết định 2816/QĐ-UBND ngày 13/5/2011 về việc bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung đối với hộ bà Trần Thị B, bà Huỳnh Thị T là người cùng hộ khẩu với bà B; Bà T cho rằng thửa đất không được bồi thường là do bà T mua nên quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị ảnh hưởng bởi quyết định hành chính trên. Đối với các Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017; Quyết định 5685/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 về xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Huỳnh Thị T. Nên bà khởi kiện là đúng pháp luật, được quy định tại khoản 1 Điều 115 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017; Quyết định 5685/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T đã được bà T nhận và biết để khởi kiện tại Tòa án vào ngày 26/5/2017 là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 của Luật tổ tụng hành chính.

Quyết định 2816/QĐ-UBND ngày 13/5/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh, bổ sung đối với hộ bà Trần Thị B để giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư N. Ngày 06/5/2011, tại Biên bản cam kết nhận tiền bồi thường, thời gian giải phóng mặt bằng và tại phiếu chi ngày 24/5/2011 bà Huỳnh Thị T ký nhận số tiền 55.036.264 đồng, cam kết bàn giao mặt bằng (BL 103, 104). Cho thấy, bà B và bà T nhận được, biết được quyết định hành chính từ năm 2011 nhưng không có khiếu nại.

Đến ngày 26/5/2017, bà T khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện như án sơ thẩm viện dẫn là đúng pháp luật.

[4] Về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà Huỳnh Thị T, thể hiện:

Bà N là người bán đất cho hộ bà B, được Ủy ban nhân dân thành phố T xác nhận thửa đất của bà B, đã được thu hồi và đền bù tại Quyết định 5685/QĐ-UBND ngày 07/4/2017; Quyết định 7325/QĐ-UBND ngày 15/9/2014; Quyết định 8324/QĐ-UBND ngày 22/10/2014. Bà N đồng ý trả lại số tiền đã nhận bồi thường. Nên án sơ thẩm yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T giải quyết để hộ bà T được nhận số tiền trên là hợp lý.

[5] Về yêu cầu huỷ Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017 và Quyết định 5685/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, thấy:

Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Huỳnh Thị T ban

hành đảm bảo về thẩm quyền theo Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T đã có Quyết định số 9643/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Phó chủ tịch; đảm bảo về thủ tục xử phạt, có lập Biên bản vi phạm hành chính theo Điều 57; Điều 68 Luật xử phạt vi phạm hành chính.

Về thời hạn giao quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành là trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt;

Tại Biên bản xác minh xác nhận có gửi bảo đảm qua đường Bưu điện cho bà T (BL 102), bà T biết và đã khiếu kiện tại Tòa án nên quyền lợi của bà T vẫn đảm bảo. Ủy ban nhân dân thành phố T xử lý vi phạm bà T với hành vi lấn chiếm đất ở theo khoản 3, Điều 10, Nghị định 102/2014/NĐ-CP với hình phạt chính là phạt tiền, mức phạt 7.500.000 đồng và buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả khôi phục lại tình trạng ban đầu trước khi vi phạm và trả lại đất là có căn cứ.

Sau khi ban hành Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017, Ủy ban nhân dân xã T vận động để bà T chấp hành quyết định.

Ngày 07/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định 5685/QĐ-UBND cưỡng chế thi hành Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC là đảm bảo quy định của pháp luật. Nên yêu cầu của bà Huỳnh Thị T về việc huỷ Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017 và Quyết định 5685/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, xét không có căn cứ. Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T là đúng pháp luật.

[6] Từ những phân tích trên, xét kháng cáo của Người khởi kiện bà Huỳnh Thị T, không có căn cứ chấp nhận, tại phiên tòa phúc thẩm bà cũng không xuất trình chứng cứ gì mới, khác so với án sơ thẩm.

Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

[7] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm do giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng pháp luật. Đề nghị này không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người khởi kiện, đề nghị này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Do kháng cáo của bà Huỳnh Thị T không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm (đã nộp).

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của bộ Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị T và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 79/2017/HC-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào khoản 1, 2, 3, 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143 và điểm a, khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của người khởi kiện bà Huỳnh Thị T về yêu cầu hủy Quyết định 2816/QĐ-UBND ngày 13/5/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam và yêu cầu buộc UBND thành phố T ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

2/. Bác yêu cầu của bà Huỳnh Thị T về yêu cầu hủy Quyết định 3172/QĐ-XPVPHC ngày 07/3/2017 và hủy Quyết định 5685/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

3/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/. Về án phí hành chính phúc thẩm

Bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0000050 ngày 03/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam, bà Huỳnh Thị T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 19/3/2018.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, VT, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thanh Long**